

Bản án số: 104/2025/DS-ST
Ngày 29-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 368/2025/TLST-DS ngày 05/6/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-DS ngày 25/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2025/QĐST-DS ngày 14/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1968; địa chỉ: A khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số E T.6, KB chung cư L, đường D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/4/2025), bà H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Số D đường số B, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2025, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà H trình bày:*

Ông T và bà H1 có mối quen biết với nhau, vào khoảng tháng 10/2019 bà H1 có hỏi vay ông T số tiền 200.000.000 đồng để lấy vốn làm ăn thì ông T đồng ý. Do tin tưởng bà H1 nên khi cho vay tiền giữa hai bên không lập giấy tờ gì. Việc vay mượn không thỏa thuận lãi suất, ông T đã giao đủ cho bà H1 số tiền 200.000.000 đồng bằng tiền mặt. Ông T đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin yêu cầu bà H1 trả tiền vay cho ông T, bà H1 hẹn hết lần này đến lần khác chưa trả cho ông T. Việc bà H1 vay tiền ông T sau đó kéo dài mãi không trả làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 trả cho ông T số vay là 200.000.000 đồng, ngoài ra ông T không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1:* Đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố cũng không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Tòa án căn cứ các Điều 227 và Điều 228 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án thông báo tham gia phiên tòa vào các ngày 14/8/2025 và ngày 29/8/2025 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227 và Điều 228 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án tại các bút lục số 04; 05; 06; 07; 08; 09 và bút lục số 10 thể hiện tin nhắn qua Zalo giữa nguyên đơn ông T, bị đơn bà H1 có các nội dung: Ông T nhắn cho bà H1 “Gốc 200 triệu đồng của thầy em sắp xếp gởi sớm để thầy xây nhà”; bà H1 nhắn cho ông T “29/4 nhé thầy”; bà H1 nhắn cho ông T “Tiền thầy bữa em mượn, thầy chưa cần thì em vẫn gởi tiền lãi thầy....”. Căn cứ vào nội dung các tin nhắn giữa nguyên đơn ông T, bị đơn bà H1 có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Thu H1 có vay tiền của ông Nguyễn Hữu T với tổng số tiền là 200.000.000 đồng vào khoảng tháng 10/2019. Các lần vay tiền giữa bà H1 và ông T đều không thỏa thuận về thời hạn thanh toán cũng như lãi suất. Do đó đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, ông T đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin yêu cầu bà H1 trả cho ông T số tiền trên nhưng bà H1 hẹn hết lần này đến lần khác chưa trả cho ông T. Như vậy, đến ngày 04/4/2025,

ông T khởi kiện yêu cầu bà H1 phải trả lại số tiền trên phù hợp với Điều 469 Bộ luật Dân sự.

Đối với bị đơn, quá trình tố tụng giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà H1 để làm việc, bà H1 đã nhận các thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ để bà H1 có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bà H1 vắng mặt trong suốt thời gian tố tụng giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Bị đơn có quyền đưa ra các chứng cứ để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình. Như vậy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả lại số tiền đã vay là 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 227 và Điều 228 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T số tiền vay gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh) trả lại cho ông Nguyễn Hữu T 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008463 ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh) .

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Phòng THADS Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh (1) ;
- Các đương sự (3) ;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh